

suất thỏa thuận của khoản vay này là 1,5%/tháng.

. Ngày 19/5/2017, ông Q vay 200.000.000đ, lãi suất 1,5%/tháng.

. Ngày 21/6/2017, ông Q gửi 3.529,7 kg tiêu và vay 150.000.000đ.

Ngoài ra, năm 2016, ông Q có gửi 3.385 kg tiêu nhưng do nhầm lẫn nên bà Th đã viết gửi cũ 2015.

Tổng số tiền ông Q vay của bà Th là 650.000.000đ và tổng số tiêu ông Q đã gửi là 11.303,2 kg, cả 3 lần giao dịch đều ghi trong 01 tờ giấy. Đối với số tiêu ông Q đã gửi thì bà Th đã nhiều lần yêu cầu ông Q tính giá tiêu để xử lý khoản tiền vay nhưng ông Q chưa tính.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả số tiền vay gốc 650.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi ông Q trả hết nợ. Đối với số tiêu 11.303,2 kg ông Q gửi, khi nào ông Q có nhu cầu lấy tiền thì bà Th sẽ tính theo giá thị trường.

- Bị đơn là ông Trương Q, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Xuân Ph trình bày: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì mối quan hệ giữa nguyên đơn với bị đơn là quan hệ kinh doanh thương mại giữa một bên là Công ty TNHH MTV Bích Th (gọi tắt là Công ty Bích Thi) do bà Mai Thị Th là người đại diện theo pháp luật, với một bên là ông Trương Q đại diện hộ kinh doanh. Quá trình kinh doanh, hai bên thỏa thuận hình thức mua bán là ứng tiền trước giao hàng sau hoặc giao hàng trước nhận tiền sau hoặc giao hàng nhận tiền; việc giao hàng trước thì có tính lãi trên số tiền chậm trả của số hàng giao.

Ông Q đã giao cho Công ty Bích Th tổng cộng 18.149,8 kg tiêu đen quy chuẩn, trị giá 2.263.138.000đ (chưa tính lãi gửi tiêu). Ông Q mới được tạm ứng 03 lần với tổng số tiền 650.000.000đ, cụ thể:

. Ngày 31/12/2015: giao 3.385 kg (168.000đ/kg) thành tiền: 568.000.000đ.

. Ngày 31/12/2016: giao 3.385 kg (150.000đ/kg) thành tiền: 507.750.000đ.

. Ngày 22/4/2017: giao 4.388,6 kg (135.000đ/kg) thành tiền: 592.447.500đ, Ông được tạm ứng 50% giá trị tiền hàng với số tiền 300.000.000đ; ngày 19/5/2017, Ông được tạm ứng thêm 200.000.000đ.

. Ngày 21/6/2017: giao 3.529,7kg (85.000đ/kg) thành tiền: 300.024.500đ, Ông được tạm ứng 50% giá trị tiền hàng với số tiền 150.000.000đ.

. Ngày 21/6/2017: giao 3.461,6kg (85.000đ/kg) thành tiền: 294.236.000đ.

Ngày 16/7/2019, Ông Q có đơn phản tố, yêu cầu Công ty Bích Th và bà Th liên đới trả cho ông Q số tiền mua tiêu còn nợ (2.263.138.000đ - 650.000.000đ) = 1.613.138.000đ và tiền lãi gửi tiêu theo thỏa thuận; Ông đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Th vì đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, Ông không vay tiền của bà Thi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Ngọc T trình bày: Chị là con dâu của ông Q, Chị xác định có tham gia giao tiêu cho bà Thi.

Tuy nhiên, thời điểm giao tiêu hay nhận tiền thì Chị không nhớ cụ thể, hầu hết khi giao tiêu và nhận tiền thì không có ký nhận giấy tờ gì.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 và Quyết định, sửa chữa, bổ sung bản án số 09/2019/QĐ-SCBSBA ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Th.

Buộc ông Trương Q phải trả cho bà Mai Thị Th tổng số tiền là 940.175.000đ, trong đó nợ gốc là 650.000.000đ, nợ lãi là 290.175.000đ.

Ông Trương Q phải tiếp tục chịu lãi suất mức 1,5%/tháng/nợ gốc theo thỏa thuận giữa các bên kể từ ngày 25/10/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

2. Về án phí: Ông Trương Q phải chịu 40.205.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Sung công quỹ Nhà nước 30.179.070đ tiền tạm ứng án phí ông Trương Q đã nộp...

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý tiền tạm ứng án phí, quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 02/12/2019, bị đơn ông Trương Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 67/2020/DS-PT ngày 16/4/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Q. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Th.

Buộc ông Trương Q có nghĩa vụ phải trả cho bà Mai Thị Th với số tiền là 940.175.000 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 290.175.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Q về việc yêu cầu bà Mai Thị Th phải trả 1.613.138.000 đồng (Một tỷ sáu trăm mười ba triệu một trăm ba mươi tám ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh.

Ông Trương Q có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Trương Q phải chịu 40.205.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Sung công quỹ Nhà nước 30.179.070đ tiền tạm ứng án phí ông Trương Q đã nộp...

- Ngày 27/4/2020 và ngày 07/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn của ông Trương Q, đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 67/2020/DS-PT ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 71/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 10/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về nội dung:

Qua nội dung vụ án, nhận thấy vấn đề cần xác định rõ trong các quan hệ tranh chấp giữa các bên, đó là số tiền các bên giao nhận tổng cộng 650.000.000đồng, thực chất là tiền cho vay hay tiền tạm ứng mua bán tiêu.

Nhận thấy, theo tài liệu mà nguyên đơn cung cấp, bút lục 82 có nội dung: “21/6/17 *Chú Q gửi tiêu...vay 150.000.000đ...*”, không có chữ ký của ông Q, còn bút lục 83 có nội dung: “21/6/2017, ông Q *Buôn Chua ứng 150.000.000đ...*”, chứ không phải vay tiền, có chữ ký của ông Q; trong khi đó tại tài liệu mà bị đơn cung cấp, bút lục 21 có nội dung: “21/06/17 3529,7 kg *vay 150.000.000 đ...*” nhưng lại được thể hiện trên văn bản là Hóa đơn mua hàng của Công ty TNHH một thành viên Bích - Th với ông Q.

Mặt khác, đối với *khoản tiền ngày 22/4/2017, 21/6/2017*, tại tài liệu bút lục 82 do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc ghi “*lãi 1,5*” phía sau cụm từ “*Q gửi tiêu*”, chứ không phải ghi phía sau cụm từ *số tiền vay*, cho nên việc cho rằng “*lãi suất*” trên tính đối với “*số tiền vay*” là không đủ cơ sở.

Trong khi đó, theo tài liệu bút lục 21 do bị đơn cung cấp, cho thấy khi ông Q giao tiêu thì Công ty TNHH một thành viên Bích -Th cung cấp *Hóa đơn mua hàng* cho ông Q, trong đó số tiền ông Q nhận được viết trong cùng *Hóa đơn mua hàng* của Công ty, bên dưới hóa đơn là phần ký nhận của “*người mua*”, chứ không viết riêng thành giấy vay tiền độc lập.

Hơn nữa, tại Bản tự khai ngày 10/4/2019 (bút lục 08) cũng như Đơn khởi kiện ngày 21/02/2019 (bút lục 03), nguyên đơn thừa nhận: “*Gia đình tôi*

mở đại lý thu mua cà phê, tiêu, nông sản... Ông Trương Q là bạn hàng thường xuyên mua bán với gia đình tôi. Năm 2017 ông Q nhiều lần ứng tiền của tôi để thu mua cà phê, tiêu nhưng sau đó không trả cho tôi. Tổng số tiền ông Q còn nợ của tôi 650.000.000... ”.

Như vậy, Tòa án cần phải làm rõ những tình tiết, mâu thuẫn trên, cần thiết tiến hành xác minh thói quen, tập quán giao dịch tại địa phương, làm cơ sở giải quyết vụ án một cách chính xác, thỏa đáng.

Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa xác minh, làm rõ, xem xét, đánh giá toàn diện những vấn đề trên mà đã cho rằng ông Q vay của bà Th số tiền tổng cộng là 650.000.000đ là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[2]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Xuân Ph được Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm xác định là *người tham gia tố tụng* với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, cho nên Tòa án phải có nghĩa vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho ông Ph theo quy định tại Điều 170 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án huyện C ra quyết định hoãn phiên tòa ngày 05/9/2019, do khi gửi giấy triệu tập xét xử, Tòa án ghi không đúng địa chỉ nên ông Ph không nhận được (bl 68), thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 07/10/2019. Ngày 20/9/2019, Tòa án gửi Giấy triệu tập cùng Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ph theo dịch vụ bưu chính; ngày 21/9/2019, Bưu cục chuyển hoàn bưu gửi cho Tòa án với lý do người nhận từ chối nhận (bút lục 78) nhưng trong hồ sơ vụ án không có biên bản nào được lập phản ánh sự việc này theo quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo từ chối nhận văn bản tố tụng thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản trong đó nêu rõ lý do của việc từ chối, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn về việc người đó từ chối nhận văn bản tố tụng”*, trong khi đó ông Ph lại không thừa nhận sự việc trên (bút lục 155), coi như triệu tập không hợp lệ. Ngày 07/10/2019, ông Ph không có mặt, Tòa án hoãn phiên tòa và ban hành Thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 24/10/2019; ngày 10/10/2019, Tòa án giao Thông báo trên cho ông Ph nhận trực tiếp. Ngày 24/10/2019, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và đã ban hành bản án, trong đó đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, đồng thời sung công quỹ nhà nước toàn bộ số tiền tạm ứng án phí của bị đơn là 30.179.070 đồng; xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông Ph vì cho rằng ông Ph đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không có cơ sở, bởi vì như đã phân tích trên, các lần triệu tập xét xử trước đó không được tổng đạt hợp lệ. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của phía bị đơn; bị đơn kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm lại giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là không

đúng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tại Đà Nẵng, về việc hủy toàn bộ bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định pháp luật.

Khi thụ lý, giải quyết lại vụ án, Tòa án cần phải xem xét, làm rõ “*Đơn phản tố*” ngày 16/7/2019” của ông Q (bút lục 24), bởi vì trong đơn ông Q có đưa ra yêu cầu đối với pháp nhân liên quan là Công ty TNHH MTV Bích Thi, cho nên cần phải xác định rõ vấn đề này, thu thập giấy tờ, tài liệu đăng ký kinh doanh đối với pháp nhân (nếu có), xác định chính xác là yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập của bị đơn theo đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời cũng để tránh việc xác định không chính xác, thiếu người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 67/2020/DS-PT ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Mai Thị Th với bị đơn là ông Trương Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ PC và Quản lý khoa học - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện C, tỉnh Đắk Lắk
(2 bản kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Trình